|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH LẠNG SƠN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **SỞ NỘI VỤ** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-SNV | *Lạng Sơn, ngày tháng năm 2026* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo** **Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức chi phí**

**quản lý thực hiện Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng**

**do ngân sách Trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15); Sở Nội vụ kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức chi phí quản lý thực hiện Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng do ngân sách Trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Cơ sở pháp lý**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

- Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và các biện pháp thi hành ưu đãi người có công với cách mạng;

- Thông tư số 95/2025/TT-BTC ngày 20/10/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý quy định:

+ Điểm a khoản 3 Điều 1 Thông tư số 95/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

*“****Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tỷ lệ chi phí quản lý tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng người có công với cách mạng của từng địa phương, bảo đảm trong phạm vi dự toán được giao cho công tác quản lý của địa phương.****”*

+ Điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 95/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 Điều 7 như sau:

Sửa đổi điểm e: *“****Mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp do******Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng người có công với cách mạng của từng địa phương****”.*

Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất của điểm g như sau: *“****Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số tiền chi trả chế độ trợ cấp, phụ cấp cho người thụ hưởng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng người có công với cách mạng của từng địa phương”****.*

**2. Cơ sở thực tiễn**

***2.1. Về chi phí quản lý***

Trong những năm qua, việc quản lý và sử dụng ngân sách để thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21/7/2022 của Bộ Tài chính. Theo đó, tỷ lệ (%) chi phí quản lý được giao cho tỉnh Lạng Sơn là 6,79% tại Quyết định số 206/QĐ-LĐTBXH ngày 11/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Căn cứ số lượng đối tượng và điều kiện địa bàn của từng huyện, thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện phân bổ chi phí quản lý cho các cơ quan, đơn vị thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh.

Kết quả thực hiện việc sử dụng chi phí quản lý trong 04 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng kinh phí thực hiện** | **Sở Lao động – Thương binh và Xã hội[[1]](#footnote-1)** | | **Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội[[2]](#footnote-2)** | | **Ghi chú** |
| **Kinh phí** | **Tỷ lệ %** | **Kinh phí** | **Tỷ lệ %** |
| 2022 | 7.973.153.129 | 1.306.426.800 | 16,385 | 6.666.726.329 | 83,615 |  |
| 2023 | 8.961.263.500 | 2.853.682.800 | 31,845 | 6.107.580.700 | 68,155 |  |
| 2024 | 7.150.467.829 | 1.293.214.600 | 18,086 | 5.857.253.229 | 81,914 |  |
| 2025 | 8.550.000.000 | 1.750.000.000 | 20,468 | 6.800.000.000 | 79,532 |  |
| **Bình quân** | | | **21,7** |  | **78,3** |  |

Việc phân bổ tỷ lệ phí quản lý cho các huyện, thành phố cơ bản đáp ứng được nhu cầu để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả.

Tuy nhiên, từ ngày 01/7/2025 thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đa phần các xã quản lý số lượng người có công dưới 50 người, nên một số nội dung chi không còn phù hợp như: chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết, tọa đàm trao đổi nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm; công tác kiểm tra, giám sát; chi hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý tài chính, quản lý hồ sơ, đối tượng, công tác mộ liệt sĩ; chi đón tiếp người có công…Trong thời gian tới, các nội dung trên do Sở Nội vụ chủ trì thực hiện, vì vậy việc xây dựng Nghị quyết về chi phí quản lý là cần thiết, có cơ sở và phù hợp với tình hình thực tiễn.

***2.2. Về mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả***

Từ năm 2023 trở lại đây, việc chi trả trợ cấp cho người có công giao cho công chức Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện. Định mức chi trả thù lao được tính theo khoảng cách địa lý: đối với các xã, thị trấn có cự ly dưới 15 km tính từ trung tâm huyện, mức chi thù lao bằng 30% phí quản lý toàn tỉnh trên tổng số tiền thực chi trả các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng; đối với các xã, thị trấn có cự ly từ 15 km trở lên tính từ trung tâm huyện, mức chi thù lao bằng 35% phí quản lý toàn tỉnh trên tổng số tiền thực chi trả các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

Thực hiện các văn bản chỉ đạo Thủ tướng Chính phủ[[3]](#footnote-3), Bộ Nội vụ[[4]](#footnote-4), UBND tỉnh[[5]](#footnote-5) về đẩy mạnh chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt và qua tổ chức dịch vụ, tuy nhiên hiện nay vẫn còn 22 xã giao cho công chức thực hiện chi trả trợ cấp, số đối tượng chi trả hằng tháng là 330 người, kinh phí: 1.060 triệu đồng/tháng, kinh phí chi thù lao khoảng 21,5 triệu đồng.

***2.3.*** ***Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả***

Mức chi phí cho tổ chức dịch vụ chi trả hiện nay đang triển khai trên địa bàn tỉnh bằng 2,6% trên tổng kinh phí thực tế chi trả các chế độ trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng hàng tháng. Có 32 xã, phường đang ký hợp đồng với tổ chức dịch vụ chi trả (hệ thống Bưu điện) cho tổng số 843 người, tổng kinh phí chi trả cho đối tượng là 2.650 triệu đồng/tháng, chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ tương đương 68,9 triệu đồng/tháng.

Như vậy, chưa đảm bảo 100% chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt, do vậy việc xây dựng Nghị quyết quy định về chi phí chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả và chi phí chi trả cho tổ dịch vụ chi trả cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn là cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích ban hành Nghị quyết**

- Cụ thể hóa quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 95/2025/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính.

- Tạo hành lang pháp lý đầy đủ, toàn diện trong việc sử dụng kinh phí để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức chi trả chế độ, góp phần nâng cao hiệu quả công tác thực hiện chính sách, chế độ đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh.

**2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Đảm bảo phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tuân thủ Hiến pháp và Pháp Luật; đảm bảo tính thống nhất, đồng bộvới hệ thống pháp luật cấp trên và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này Quy định mức chi phí quản lý thực hiện Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng do ngân sách Trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

1.2. Đối tượng áp dụng:

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý và thực hiện các chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

**2. Bố cục:** Dự thảo Nghị quyết gồm 06 điều.

**3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết**

Nghị quyết này Quy định mức chi phí quản lý thực hiện Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng do ngân sách Trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

***3.1. Tỷ lệ chi phí quản lý***

1. Các xã, phường có tổng số đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên dưới 100 đối tượng: Cấp tỉnh bằng 30%; cấp xã bằng 70% trên tổng chi phí quản lý được giao trong dự toán hằng năm của tỉnh.

2. Các xã, phường có tổng số đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên dưới 200 đối tượng: Cấp tỉnh bằng 40%; cấp xã bằng 60% trên tổng chi phí quản lý được giao trong dự toán hằng năm của tỉnh.

3. Các xã, phường có tổng số đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên trên 200 đối tượng: Cấp tỉnh bằng 50%; cấp xã bằng 50% trên tổng chi phí quản lý được giao trong dự toán hằng năm của tỉnh.

***3.2. Mức chi phí chi trả***

1. Mức thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp bằng 20% trên tổng chi phí quản lý được giao trong dự toán hằng năm của xã, phường.

2. Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp: Bằng 3% trên tổng số tiền chi trả chế độ trợ cấp, phụ cấp cho người thụ hưởng thuộc xã, phường.

***3.3. Nguồn kinh phí thực hiện***

Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí hằng năm trong dự toán ngân sách trung ương đảm bảo theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước.

**4. Thời gian thực hiện:** Sau khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

**IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN VÀ DỰ KIẾN THỜI GIAN BAN HÀNH**

**1. Nguồn lực thực hiện**

Kinh phí thực hiện Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng do ngân sách Trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

**2. Thời gian ban hành**

Sở Nội vụ dự kiến báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết tại kỳ họp chuyên đề vào tháng 2 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**V. CƠ QUAN CHỦ TRÌ, CƠ QUAN PHỐI HỢP**

1. Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ.

2. Cơ quan phối hợp: các Sở, ngành của tỉnh; các xã, phường.

*(Có dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh kèm theo).*

Sở Nội vụ kính trình Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lãnh đạo Sở;  - Sở Tư pháp:  - VP, TĐKT&NCC;  - Lưu: VT, TĐKT&NCC(NQL). | **GIÁM ĐỐC**  **Hoàng Thị Hiền** |

1. Từ 01/3/2025 là Sở Nội vụ; [↑](#footnote-ref-1)
2. Từ 01/7/2025 là Phòng Văn hóa – Xã hội, UBND các xã, phường. [↑](#footnote-ref-2)
3. Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025; Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 23/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt, từ năm 2023 đến năm 2024; [↑](#footnote-ref-3)
4. Công văn số 5234/LĐTBXH-TTTT ngày 23/12/2022 về hướng dẫn chi trả không dùng tiền mặt đến các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội trên địa bàn; Công văn số 388/LĐTBXH-CNTT ngày 22/01/2024 về việc tăng cường thực hiện chi trả trợ cấp an sinh xã hội không dùng tiền mặt đến các đối tượng hưởng chính sách; Công văn số 1698/BNV-TTCNTT ngày 24/4/2025 của Bộ Nội vụ về việc tăng cường thực hiện chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt đến đối tượng người có công với cách mạng; [↑](#footnote-ref-4)
5. Công văn số 2631/VP-KGVX ngày 25/4/2025 của UBND tỉnh về việc tăng cường thực hiện chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt đến đối tượng người có công với cách mạng; Công văn số 2438/UBND-KGVX ngày 31/10/2025 của UBND tỉnh về đẩy mạnh chi trả trợ cấp ưu đãi đối với người có công theo phương thức không dùng tiền mặt và qua tổ chức dịch vụ chi trả. [↑](#footnote-ref-5)